TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Ông Phan Văn Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ K, tổ D, khu phố M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ: Số D, đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1986; thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ K, tổ D, khu phố M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng D1 sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy đăng ký kết hôn số 48, ngày 04/07/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà trọ K, tổ D, khu phố M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên chửi xúc phạm đối với bà L. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng ông D không thay đổi được. Hai vợ chồng đã ly thân và ở riêng. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Trọng D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh M1, sinh ngày 20/02/2018. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Trọng D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đỗ Văn M: Thống nhất trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét và chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông D. Về con chung: Bà L được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh M1 sinh ngày 20/02/2018, bà L không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng D đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện ông Nguyễn Trọng D có địa chỉ cư trú tại nhà T, tổ D, khu phố M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Đỗ Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Trọng D được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy đăng ký kết hôn số 48, ngày 04/07/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà Nguyễn Thị L xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên đe dọa và chửi xúc phạm bà L. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng D. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập ông Nguyễn Trọng D đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có mặt, bà L có yêu cầu không hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị L đã thực sự không còn và cả hai bên đều không mong muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc ông Nguyễn Trọng D bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Thị L cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng D là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh M1, sinh ngày 20/02/2018. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh M1 và không yêu cầu ông Nguyễn Trọng D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn

Thị Quỳnh M1. Tuy nhiên, khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông D được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có việc làm, có thu nhập và có mong muốn nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh M1 hiện nay còn nhỏ và từ trước đến nay đều sống cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, Tòa án giao cháu M1 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Trọng D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng D không ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Trọng D về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Trọng D. (Giấy chứng nhận kết hôn số 48 do Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/7/2017).

- Về con chung: Buộc ông Nguyễn Trọng D giao 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh M1, sinh ngày 20/02/2018 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Trọng D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng D không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006831 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân